

Bản án số: 83/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-12- 2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Sáu

2. Ông Trần Văn Nay

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 242/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thu Q (Dương Thu Huyền), sinh năm 1973 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P2, xã L, huyện V, tỉnh B.

- Bị đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm 1971 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P2, xã L, huyện V, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Dương Thu Q trình bày tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 8 năm 2022 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án: Chị xây dựng hôn nhân với anh Trần Văn L năm 1994, không có đăng ký kết hôn với nhau. Chung sống với nhau có hai người con chung: Cháu Trần Thật T, sinh năm 1995 và cháu Trần Ngọc V, sinh năm 2003. Hiện cháu T và cháu V đã trưởng thành nên chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: có một căn nhà cấp bốn gắn liền với đất và một cái nền chiều ngang 4,5m dài 10m tọa lạc ấp P2, xã L, huyện V, tỉnh B. Ngoài ra, không có tài sản nào khác. Phần tài sản chung chúng chị và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cuộc sống vợ chồng quá nhiều

mâu thuẫn nên chị Q yêu cầu ly hôn với anh L. Con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có, tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn L trình bày: Anh L xây dựng hôn nhân với chị Trần Thu Q vào năm 1994, không có đăng ký kết hôn với nhau. Chung sống với nhau có hai người con chung: Cháu Trần Thật T, sinh năm 1995 và cháu Trần Ngọc V, sinh năm 2003. Hiện cháu T và cháu V đã trưởng thành. Tài sản chung: có một căn nhà cấp bốn gắn liền với đất và một nền ngang 4,5m, dài 10m, tọa lạc ấp P2, xã L, huyện V, tỉnh B. Ngoài ra, không có tài sản nào khác. Nợ chung: Không có. Cuộc sống vợ chồng quá nhiều mâu thuẫn nên anh L đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị Q. Con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có, tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh B trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ Q và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không phát hiện vi phạm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bà chị Q và anh L không phải là vợ chồng; Về con chung là cháu Trần Thật Thảo, sinh năm 1995 và cháu Trần Ngọc Vàng, sinh năm 2003, đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết. Tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không đặt ra giải quyết. Chị Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 23 tháng 11 năm 2022 chị Dương Thu Q nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn đối với anh Trần Văn L. Anh L có địa chỉ đăng ký thường trú tại ấp P2, xã L, huyện V, tỉnh B. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh B thụ lý, giải quyết là đúng thẩm Q theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Q và anh L đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt chị Q và anh L theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Vào năm 1994 chị Q và anh L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, là hôn nhân không hợp pháp. Chị Q cho rằng, trong quá trình chung sống, anh, chị có nhiều mâu thuẫn và mâu thuẫn này không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo nên chị Q yêu cầu ly hôn với anh L và phía anh L cũng đồng ý.

Xét thấy, do chị Q và anh L không có đăng ký kết hôn, theo quy định khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh Q, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Q, nghĩa vụ đối với con, tài sản... được giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình*”. Do vậy, Tòa án không

chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q đối với anh L, không công nhận chị Q và anh L là vợ chồng.

3] Về con chung: Chị Q và anh L thống nhất anh chị có hai người con chung là cháu Trần Thật Thảo, sinh năm 1995 và cháu Trần Ngọc Vàng, sinh năm 2003. Hiện cháu Thảo và cháu Vàng đã trưởng thành, anh L và chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Chị Q và anh L xác định, vợ chồng anh chị có một căn nhà cấp bốn gắn liền với đất và một nền ngang 4,5m, dài 10m, tọa lạc ấp P2, xã L, huyện V, tỉnh B. Ngoài ra, không có tài sản nào khác. Phần tài sản chung, chị Q và anh L tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về nợ chung: Anh L và chị Q xác định không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị Q phải chịu 300.000 đồng, chị Xuân đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0001170 ngày 03 tháng 10 năm 2022 được chuyển thu án phí.

[8]. Từ những phân tích trên cần chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Dương Thu Q (Dương Thu H) và anh Trần Văn L là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Dương Thu Q (Dương Thu H) và anh Trần Văn L có hai người con chung là cháu Trần Thật T, sinh năm 1995 và cháu Trần Ngọc V, sinh năm 2003, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Dương Thu Q (Dương Thu H) và anh Trần Văn L tự thỏa thuận tài sản chung; nợ chung không có và không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình chị Dương Thu Q (Dương Thu H) phải nộp 300.000 đồng, chị Dương Thu Q (Dương Thu H) đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0001320 ngày 05 tháng 12 năm 2022 được chuyển thu án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được Q kháng cáo bản án trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
 - VKSND huyện Vĩnh Lợi;
 - THADS huyện Vĩnh Lợi;
 - Các đương sự;
 - Ủy ban nhân dân xã L
- huyện V, tỉnh B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thụy Lan Chi